

NGHỊ QUYẾT

Giao biên chế công chức, số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và phê duyệt biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 82-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2419-QĐ/BTCTW ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hậu Giang năm 2024 và được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Công văn số 6185/VPCP-TCCV ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ về việc biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022 - 2026;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết giao biên chế công chức, số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và phê duyệt biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức năm 2024 là **1.433** biên chế (giảm **20** biên chế so với năm 2023), cụ thể:

a) Biên chế giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh: **820** biên chế.

b) Biên chế giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: **613** biên chế.

2. Tổng số biên chế cán bộ, công chức cấp xã là **1.634** biên chế và số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã là **1.021** người.

3. Số lượng người làm việc trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh: **98** người.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III)

Điều 2. Phê duyệt số lượng biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024, như sau:

1. Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước là **13.371** biên chế (giảm **252** biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2023).

2. Số lượng biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là **1.114** biên chế (tăng 19 biên chế so với năm 2023).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định. Chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, lộ trình tỉnh giảm biên chế

của từng cơ quan, đơn vị đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Điều 1, Điều 2 của Nghị quyết này, thời gian thực hiện hoàn thành **trước ngày 30 tháng 6 năm 2024.**

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 18 thông qua và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2023. / *Thư ký*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính – Quản trị II;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT.HV *VT*



CHỦ TỊCH

Trần Văn Huyền



Phụ lục I
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

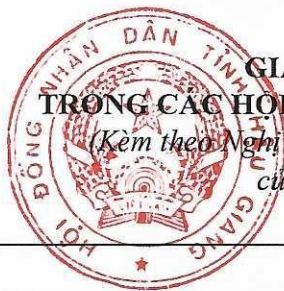
STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1.453	1.433	-20	
A	CẤP TỈNH	831	820	-11	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	33	33		
2	Văn phòng UBND tỉnh	60	59	-1	
3	Sở Nội vụ	53	53		
4	Sở Tư pháp	27	27		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33	32	-1	
6	Sở Tài chính	54	54		
7	Sở Công Thương	38	38		
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91	88	-3	
9	Sở Giao thông vận tải	44	44		
10	Sở Xây dựng	38	37	-1	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	58	58		
12	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26		
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	47	-1	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	34	-1	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	22	22		
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	45	-2	
17	Sở Y tế	48	48		
18	Thanh tra tỉnh	27	26	-1	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	23	23		
20	Ban Dân tộc	17	17		
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	4		
22	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh	5	5		

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
B	CẤP HUYỆN	622	613	-9	
1	Thành phố Vị Thanh	90	87	-3	
2	Thành phố Ngã Bảy	79	78	-1	
3	Thị xã Long Mỹ	65	65		
4	Huyện Long Mỹ	63	63		
5	Huyện Vị Thủy	78	76	-2	
6	Huyện Phụng Hiệp	88	86	-2	
7	Huyện Châu Thành	80	80		
8	Huyện Châu Thành A	79	78	-1	



Phụ lục II
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Đơn vị cấp huyện	Số lượng cán bộ, công chức	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Ghi chú (Phường loại I: 23 người, loại II: 21, loại III: 19 Xã, thị trấn: loại I: 22 người, loại II: 20 người, loại III: 18 người)
1	Thành phố Vị Thanh	194	117	Phường loại I: 02: 46 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 03: 60 (tăng thêm 03 công chức; 03 người HĐKCT)
2	Thành phố Ngã Bảy	130	78	Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
3	Thị xã Long Mỹ	193	117	Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 02: 44 Xã loại II: 02: 40 Xã loại III: 01: 18 (tăng thêm 05 công chức; 05 người HĐKCT)
4	Huyện Vị Thủy	215	135	Xã loại I: 07: 154 Xã, thị trấn loại II: 03: 60 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
5	Huyện Long Mỹ	176	112	Xã, thị trấn loại I: 07: 154 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
6	Huyện Phụng Hiệp	334	214	Xã loại I: 11: 242 Xã, thị trấn loại II: 04: 80 (tăng thêm 12 công chức; 12 người HĐKCT)
7	Huyện Châu Thành	173	109	Xã, thị trấn loại I: 06: 132 Xã loại II: 02: 40 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
8	Huyện Châu Thành A	219	139	Xã, thị trấn loại I: 09: 198 Thị trấn loại II: 01: 20 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
Tổng		1.634	1.021	



Phụ lục III
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Số giao năm 2024 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	98	
1	Liên minh Hợp tác xã	26	26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	13	13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	8	8	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17	17	
5	Hội Luật gia	4	4	
6	Hội Nhà báo	4	4	
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	3	3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5	5	
9	Hội Khuyến học	5	5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3	3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	3	3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi	3	3	
13	Hội Người mù	4	4	



Phụ lục I
GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1.453	1.433	-20	
A	CẤP TỈNH	831	820	-11	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	33	33		
2	Văn phòng UBND tỉnh	60	59	-1	
3	Sở Nội vụ	53	53		
4	Sở Tư pháp	27	27		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33	32	-1	
6	Sở Tài chính	54	54		
7	Sở Công Thương	38	38		
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91	88	-3	
9	Sở Giao thông vận tải	44	44		
10	Sở Xây dựng	38	37	-1	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	58	58		
12	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26		
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	47	-1	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	34	-1	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	22	22		
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	45	-2	
17	Sở Y tế	48	48		
18	Thanh tra tỉnh	27	26	-1	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	23	23		
20	Ban Dân tộc	17	17		
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	4		
22	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh	5	5		

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
B	CẤP HUYỆN	622	613	-9	
1	Thành phố Vị Thanh	90	87	-3	
2	Thành phố Ngã Bảy	79	78	-1	
3	Thị xã Long Mỹ	65	65		
4	Huyện Long Mỹ	63	63		
5	Huyện Vị Thủy	78	76	-2	
6	Huyện Phụng Hiệp	88	86	-2	
7	Huyện Châu Thành	80	80		
8	Huyện Châu Thành A	79	78	-1	



Phụ lục II
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Đơn vị cấp huyện	Số lượng cán bộ, công chức	Số lượng người hoạt động không chuyên trách	Ghi chú (Phường loại I: 23 người, loại II: 21, loại III: 19 Xã, thị trấn: loại I: 22 người, loại II: 20 người, loại III: 18 người)
1	Thành phố Vị Thanh	194	117	Phường loại I: 02: 46 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 03: 60 (tăng thêm 03 công chức; 03 người HĐKCT)
2	Thành phố Ngã Bảy	130	78	Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
3	Thị xã Long Mỹ	193	117	Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 02: 44 Xã loại II: 02: 40 Xã loại III: 01: 18 (tăng thêm 05 công chức; 05 người HĐKCT)
4	Huyện Vị Thủy	215	135	Xã loại I: 07: 154 Xã, thị trấn loại II: 03: 60 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
5	Huyện Long Mỹ	176	112	Xã, thị trấn loại I: 07: 154 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
6	Huyện Phụng Hiệp	334	214	Xã loại I: 11: 242 Xã, thị trấn loại II: 04: 80 (tăng thêm 12 công chức; 12 người HĐKCT)
7	Huyện Châu Thành	173	109	Xã, thị trấn loại I: 06: 132 Xã loại II: 02: 40 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
8	Huyện Châu Thành A	219	139	Xã, thị trấn loại I: 09: 198 Thị trấn loại II: 01: 20 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
Tổng		1.634	1.021	



Phụ lục III
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Số giao năm 2024 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	98	
1	Liên minh Hợp tác xã	26	26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	13	13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	8	8	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17	17	
5	Hội Luật gia	4	4	
6	Hội Nhà báo	4	4	
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	3	3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5	5	
9	Hội Khuyến học	5	5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3	3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	3	3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi	3	3	
13	Hội Người mù	4	4	